

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 04-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Nguyễn Thị Hạnh

2-Ông Bá Đình Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đa Văn Thắng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thủy-Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 27/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 18/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lục Thị M, sinh năm 1956 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 84, thôn HT, xã HN, huyện B, tỉnh Bình Thuận

- Bị đơn: Bà Gíp Nhộc I, sinh năm 1978 và ông Lý Phát S, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số 24, thôn HT, xã HN, huyện B, Bình Thuận (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ N, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 84, thôn HT, xã HN, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Người tham gia tố tụng khác: *Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ N:* Bà Lục Thị M, sinh năm 1956- Địa chỉ: Số 84, thôn HT, xã HN, huyện B, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn- Bà Lục Thị M trình bày: Bà có quan hệ làm ăn với vợ chồng bà Gíp Nhộc I, ông lý Phát S nên từ năm 2012 với chồng bà I, ông S có mượn tiền sinh hoạt và đầu tư sản xuất nông nghiệp (Lãi suất hai bên tự thỏa thuận). Đến năm 2017, vợ chồng bà I, ông S còn nợ số tiền 98.012.000đồng, cụ thể: năm 2015 nợ

57.586.000đồng, năm 2016 nợ 28.546.000đồng, năm 2017 nợ 11.880.000đồng). Sau đó, vợ chồng bà I, ông S không còn làm ăn nữa, nhưng vợ chồng bà I, ông S không trả dứt nợ. Bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà I, ông S không trả. Vì vậy, Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà I, ông S phải trả số tiền vay còn nợ là 98.012.000đồng và tiền lãi là 66.648.160đồng. Hiện nay, vợ chồng bà I, ông S đã ly hôn nhưng đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân, nên Bà yêu cầu bà I, ông S liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nói trên cho vợ chồng Bà. Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi cho bà I, ông S trả nợ, Bà chỉ yêu cầu bà I, ông S trả số tiền nợ gốc là 98.000.000đồng, Bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn-Bà Gịp Nhộc I trình bày: Bà và bà Lục Thị M có mối quan hệ làm ăn mua bán lúa. Bà có nợ bà M một số tiền, Bà không nhớ rõ còn nợ số tiền bao nhiêu, vì chỉ nghe bà M thông báo và mỗi lần bán lúa thì bà M đều trừ vào tiền lúa. Theo Bà, Bà còn nợ bà M số tiền khoảng 57.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ 57.000.000 đồng nói trên, mỗi lần Bà bán lúa cho bà M, bà M đã trừ đi một phần nợ, qua nhiều năm Bà không nhớ rõ còn nợ của bà M bao nhiêu tiền. Bà Lục Thị M yêu cầu Bà trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 164.660.160 đồng, Bà không đồng ý. Bà chỉ chấp nhận trả số tiền 98.000.000 đồng theo như trong giấy nợ.

Bị đơn-Ông Lý Phát S trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà Gịp Nhộc I về việc vợ chồng Ông có vay tiền và còn nợ bà Lục Thị M 57.000.000đồng. Nếu bà Lục Thị M yêu cầu Ông và bà Gịp Nhộc I trả 57.000.000đồng thì ông đồng ý trả trong vòng một tháng, còn không thì Ông đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Buộc bà Gịp Nhộc I, ông Lý Phát S phải liên đới trả cho vợ chồng bà Lục Thị M, ông Hồ N số tiền nợ gốc đã vay là 98.000.000đồng.
- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về Thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thị M yêu cầu ông Lý Phát S, bà Gịp Nhộc I trả số tiền vay còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về thẩm quyền:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ

luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện B, tỉnh Bình Thuận, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Vợ chồng bà M có quan hệ làm ăn với bà Gịp Nhộc I, ông Lý Phát S, nên từ năm 2012. Vợ chồng bà I, ông S có mượn tiền sinh hoạt và đầu tư sản xuất nông nghiệp (Lãi suất hai bên tự thỏa thuận). Đến năm 2017, vợ chồng bà I, ông S còn nợ số tiền 98.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Gịp Nhộc I có ý kiến: Thống nhất với ý kiến của bà M là trong thời kỳ hôn nhân, bà I, ông S có mượn tiền bà M, nhưng hiện nay chỉ còn nợ 57.000.000đồng. Bà Lục Thị M yêu cầu Bà trả số tiền cả gốc và lãi tổng cộng 164.660.160 đồng, Bà không đồng ý. Bà chỉ chấp nhận trả số tiền 98.000.000 đồng theo như trong giấy nợ.

Tại phiên tòa, bà I, ông S có ý kiến: Thống nhất với ý kiến của bà M là trong thời kỳ hôn nhân, bà I, ông S có mượn tiền bà M, nhưng hiện nay chỉ còn nợ 57.000.000đồng và đồng ý trả nợ cho bà M số tiền nợ 57.000.000đồng, không đồng ý trả lãi.

Xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà I thừa nhận còn nợ vợ chồng bà M 98.000.000đồng. Ý kiến của bà I là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với lời khai nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tại phiên tòa, bà I, ông S đều thừa nhận là có vay tiền của bà M, nhưng bà I, ông S cho rằng chỉ còn nợ 75.000.000đồng. Lời khai của bà I là không thống nhất với nhau, có lúc thì đồng ý trả số tiền 98.012.000đồng, có lúc thì cho rằng chỉ nợ 57.000.000đồng, có lúc thì khai là không nhớ rõ còn nợ bà M bao nhiêu tiền. Bà I thay đổi lời khai nhưng không nêu được lý do vì sao có sự thay đổi này. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà I, ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là hiện nay bà I, ông S còn nợ bà M 57.000.000đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Bà I, ông S thừa nhận vay tiền vợ chồng bà M là để phục vụ cho hoạt động kinh tế gia đình. Hiện nay, bà I, ông S đã ly hôn, nhưng vào thời điểm vay tiền, bà I, ông S vẫn đang là vợ chồng hợp pháp. Do đó, đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà I, ông S trong thời kỳ hôn nhân.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải buộc bà I, ông S phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà M, ông S số tiền vay còn nợ là 98.000.000đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Gịp Nhộc I, ông Lý Phát S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 37, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thị M: Buộc bà Gịp Nhộc I, ông Lý Phát S phải liên đới trả cho vợ chồng bà Lục Thị M, ông Hồ S số tiền vay còn nợ là 98.000.000đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Gịp Nhộc I, ông Lý Phát S phải chịu 4.900.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/4/2024).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thanh Trúc Tuyền